

Số: 65/2025/QĐST- HNGĐ

T, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nhâm Thị Tố T1, sinh năm 1986; nơi thường trú: TDP C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1986; nơi thường trú: TDP C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nhâm Thị Tố T1 và anh Đỗ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị Nhâm Thị Tố T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 29/7/2013. Anh Đỗ Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Văn Th, sinh ngày 26/03/2008. Chị T1, anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị Nhâm Thị Tố T1 và anh Đỗ Văn B không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Nhâm Thị Tố T1 chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu số: 0001177 ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị Nhâm Thị Tố T1 150.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Màu Văn Mùi